

Bản án số: 32/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 26 - 12 - 2024

*"V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn"*

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ NGHĨA LỘ, TỈNH YÊN BÁI**

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Hoàng Thị Phú.

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông Hoàng Văn Vĩnh;

2. Bà Đào Thị Thường.

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Văn Bắc - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Nghĩa Lộ, tỉnh Yên Bái.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Nghĩa Lộ, tỉnh Yên Bái tham gia phiên tòa:** Bà Hà Thị Nguyễn Nhung - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 12 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Nghĩa Lộ, tỉnh Yên Bái; xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 131/2024/HNGĐ-ST ngày 09 tháng 10 năm 2024 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 38/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 12 năm 2024, giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn:** Anh **Đào Xuân T**, sinh năm 1987

Địa chỉ: Tô F, phường P, thị xã N, tỉnh Yên Bái.

"Có mặt"

2. **Bị đơn:** Chị **Vị Thị Minh H**, sinh năm 1995

Địa chỉ: Tô F, phường P, thị xã N, tỉnh Yên Bái.

"Có mặt"

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện, tại bản tự khai, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn anh Đào Xuân T trình bày:*

Anh và chị V Thị Minh H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn vào ngày 26/12/2018 tại Ủy ban nhân dân phường P, thị xã N, tỉnh Yên Bái. Sau khi kết hôn vợ chồng anh ở chung cùng bố mẹ đẻ của anh đến khoảng tháng 02/2024 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng về quan điểm

sống, không có tiếng nói chung về các vấn đề trong cuộc sống, sinh hoạt trong gia đình, thường xuyên xảy ra cãi vã. Khoảng tháng 4/2024 anh chị chuyển ra sống riêng, nhưng được khoảng một hai tháng thì anh chị lại tiếp tục xảy ra mâu thuẫn và đã sống ly thân. Gia đình hai bên cũng đã nhiều lần góp ý, khuyên bảo nhưng không có kết quả. Anh T xác định không còn tình cảm đối với chị H nữa nên đề nghị Tòa án giải quyết cho được ly hôn.

Về con chung: Anh và chị H có 01 con chung là Đào Đức D sinh ngày 03/11/2019, anh T nhận trực tiếp nuôi dưỡng cháu D. Không yêu cầu chị H phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình anh T đã cung cấp tài liệu, chứng cứ gồm: Bản chính giấy chứng nhận kết hôn của Đào Xuân T và Vì Thị Minh H (số 31 ngày 26/12/2018); bản sao giấy khai sinh của Đào Đức D; bản sao căn cước công dân của Đào Xuân T và Vì Thị Minh H; Bảng lương tháng 10/2024 của Đào Xuân T.

*Tại bản tự khai, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn chị Vì Thị Minh H trình bày:*

Chị và anh T kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn vào ngày 26/12/2018 tại UBND phường P, thị xã N. Quá trình chung sống do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, thường xuyên xảy ra tranh cãi. Thời gian đầu vợ chồng chung sống cùng bố mẹ anh T sau đó đến tháng 4/2024 vợ chồng chuyển ra sống riêng, khoảng tháng 6/2024 thì ly thân, anh T xin ly hôn chị đồng ý.

Về con chung, chị nhận trực tiếp nuôi dưỡng cháu Đào Đức D không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Để chứng minh cho quan điểm của mình chị cung cấp cho Tòa án các tài liệu chứng cứ gồm: Bảng lương tháng 10/2024 của Vì Thị Minh H; Giấy xác nhận thời gian làm việc của Vì Thị Minh H ghi ngày 01/11/2024.

Về tài sản chung, chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*\*Kết quả thu thập chứng cứ như sau:*

Tại biên bản xác minh tại nơi cư trú thể hiện, anh T và chị H có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật vào ngày 26/12/2018 tại UBND phường P, thị xã N, tỉnh Yên Bái. Sau khi kết hôn anh T và chị H sống chung cùng bố mẹ đẻ của anh T. Quá trình chung sống giữa anh T và chị H có xảy ra mâu thuẫn, từ khoảng tháng 4/2024 chị H đã chuyển ra thuê nhà trọ ở riêng, anh T công tác tại Trại giam H1, do tính chất công việc nên không thường xuyên về nhà, con chung từ trước đến nay đều do chị H chăm sóc, hiện tại chị H trực tiếp nuôi dưỡng. Nay anh T xin ly hôn, nuôi con chung đề nghị Tòa án xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật.

Công văn số: 1463/CV-TA ngày 13/11/2024 của Trại Giam H1 thể hiện, anh Đào Xuân T công tác tại Trại giam H1 và đang theo học lớp Đại học tại Học viện C (hệ vừa làm vừa học), từ tháng 02/2022 đến tháng 12/2024 sẽ trở lại đơn vị làm việc. Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ tại đơn vị, anh T phải thực hiện nhiệm vụ của ngành, trong đó có công tác ứng trực theo ngày, tuần (một tuần nghỉ 3 hoặc 4 ngày, trực 3 hoặc 4 ngày theo phiên)...

Tại phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải giữa các đương sự thể hiện: Về quan hệ hôn nhân: Anh T và chị H thống nhất ly hôn; Về con chung: Anh T và chị H đều nhận được nuôi con, không yêu cầu bên kia cấp dưỡng nuôi con chung; Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Tại phiên tòa,*

\* *Ý kiến của anh T:* Về quan hệ hôn nhân, giữ nguyên thỏa thuận thuận tình ly hôn; Về con chung, anh nhận nuôi con, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con; về tài sản chung không yêu cầu giải quyết.

\* *Ý kiến của chị H:* Về quan hệ hôn nhân, giữ nguyên thỏa thuận thuận tình ly hôn; Về con chung, chị nhận nuôi con chung, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con; về tài sản chung không yêu cầu giải quyết.

\* *Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên:*

- Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn, bị đơn tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định của pháp luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung:

+ Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 51, Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình Công nhận anh Đào Xuân T và chị Vì Thị Minh H thống nhất thuận tình ly hôn.

+ Về con chung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 81, 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, xử giao cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Đào Đức D sinh ngày 03/11/2019; do chị H không yêu cầu phải cấp dưỡng nuôi con chung nên không đề cập giải quyết.

+ Về án phí: Nguyên đơn, bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, phát biểu quan điểm của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] *Tố tụng*: Nguyên đơn anh Đào Xuân T, bị đơn chị Vì Thị Minh H có hộ khẩu thường trú tại thị xã N, tỉnh Yên Bái. Vụ án do Tòa án nhân dân thị xã Nghĩa Lộ, tỉnh Yên Bái thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại Điều 28, Điều 35 và Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự. Quan hệ pháp luật tranh chấp là Ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung khi ly hôn.

[2] *Quan hệ hôn nhân*: Anh Đào Xuân T và chị V Thị Minh H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn vào ngày 26/12/2018 tại UBND phường P, thị xã N, thị xã N, tỉnh Yên Bái. Theo quy định tại khoản 1 Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình, là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình chung sống vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, anh chị đều thừa nhận nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống, sinh hoạt. Cả hai vợ chồng không còn tình cảm đối với nhau nữa, kể từ tháng 6/2024 đến nay vợ chồng đã ly thân, thể hiện hôn nhân của họ đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do vậy yêu cầu xin ly hôn của anh T là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình. Do anh T và chị H đã thống nhất ly hôn nên được Hội đồng xét xử công nhận sự thỏa thuận của họ.

[3] *Về con chung*: Anh T và chị H có 01 con chung là Đào Đức D sinh ngày 03/11/2019. Ly hôn, anh T và chị H đều có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con chung.

Hội đồng xét xử thấy rằng từ khi sinh ra cháu Đào Đức D chủ yếu ở với mẹ và ông bà nội vì bố công tác xa nhà. Hiện nay chị H và anh T đều có công việc và thu nhập ổn định và đều có nguyện vọng được nuôi con, nhưng do cháu Đào Đức D còn nhỏ (05 tuổi 01 tháng 23 ngày) nên cần có sự chăm sóc của người mẹ, thấy rằng chị H là Điều dưỡng trưởng của Khoa Tim mạch lão khoa, Bệnh viện Đ, trong cuộc sống luôn chấp hành tốt các quy định của Nhà nước và địa phương. Còn anh T hiện đang công tác tại Trại giam H1, tính chất công việc thường xuyên xa nhà, nên ít có thời gian trong việc chăm sóc con chung. Do đó Hội đồng xét xử thấy cần thiết giao cháu D cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng để đảm bảo quyền lợi của cháu D và phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình. Do chị H không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Đối với anh T cũng có nguyện vọng được nuôi cháu D, nhưng thấy rằng anh T công tác tại Trại giam H1, tính chất công việc đặc thù nên thời gian dành cho gia đình bị hạn chế, việc chăm sóc nuôi dưỡng con chung sẽ không có nhiều thời gian. Do đó Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu của anh T về việc nhận nuôi con chung.

[4] *Về tài sản chung*: Anh T và chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] *Về án phí*: Anh T và chị H, mỗi người phải chịu 75.000 đồng án phí thuận tình ly hôn.

[6] *Về quyền kháng cáo*: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Những đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật được Hội đồng xét xử chấp nhận.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình.

- Căn cứ vào Điều 28; Điều 35; Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Đào Xuân T.

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Đào Xuân T và chị Vì Thị Minh H.

2. Về con chung: Xử giao cho chị Vì Thị Minh H được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con là Đào Đức D sinh ngày 03/11/2019. Anh Đào Xuân T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Anh Đào Xuân T phải chịu 75.000 đồng (*bảy mươi lăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo Biên lai số AA/2023/0000949 ngày 09/10/2024 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Nghĩa Lộ; anh T được hoàn trả lại số tiền chênh lệch là 225.000 đồng (*hai trăm hai mươi lăm nghìn đồng*).

Chị Vì Thị Minh H phải chịu 75.000 đồng (*bảy mươi lăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo:

Anh Đào Xuân T và chị Vì Thị Minh H có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án*

*hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.*

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Yên Bái;
- VKSND TX Nghĩa Lộ;
- CCTHADS TX Nghĩa Lộ;
- UBND P. Pú Trạng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Hoàng Thị Phú**